

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 18 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thắng.

Ông Phạm Văn Ven.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Lê Ché L, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1988, tại: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: không xác định; Mẹ: Lê Thị Xuân H, sinh năm: 1962 (chết); có vợ là Lê Thị Bích Đ, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và 01 con chung; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến nay. (Có mặt)

2. Trịnh Chí S (S1), sinh ngày 18 tháng 6 năm 1981, tại: Thành phố H; Nơi cư trú: 231/9A đường T, phường 3, quận 4, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang L (chết) và bà Lê M; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 102/2006/HSST ngày 19/01/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trịnh Chí S 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, Trịnh Chí S chấp hành xong các quyết định của bản án ngày 25/10/2007 nên đương nhiên được xóa án tích; tại

quyết định 929/QĐ-UBND-TH ngày 13/7/2009 của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đưa người vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng đối với Trịnh Chí S về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 29/7/2011; tại quyết định số 135/QĐ-TA ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trịnh Chí S thời hạn 21 tháng, chấp hành xong ngày 18/10/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến nay. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Võ Chí N - Sinh năm 2001 - Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn T - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp P1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 10/3/2022, Công an thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tổ chức tuần tra phòng chống tội phạm trên địa bàn khu phố 4, thị trấn Đông Thành, phát hiện hai đối tượng điều khiển hai xe mô tô có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Công an tiến hành kiểm tra thì phát hiện hai đối tượng không chứng minh được nguồn gốc của 02 xe mô tô nêu trên nên mời 02 đối tượng về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra hai đối tượng khai nhận tên Trần Lê Chế L, hộ khẩu thường trú: Ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh H và Trịnh Chí S, hộ khẩu thường trú: 231/9A đường T, phường 3, quận 4, Thành phố H. Về nguồn gốc hai xe mô tô L và S khai nhận: Khoảng 7 giờ, ngày 10/3/2022, L ngồi uống cà phê với một người đàn ông tên Anh H không rõ nhân thân, lai lịch trên đường Khánh Hội, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì người này kêu L chạy xe mô tô do người khác phạm tội mà có từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện Đức Huệ, tỉnh Long An để đi tiêu thụ thì được L đồng ý, lúc này L gọi điện rủ S cùng tham gia. Khi cả ba người ngồi uống cà phê, Anh H nói sẽ trả tiền công cho L và S số tiền 1.000.000 đồng, L và S đồng ý cùng thực hiện. Sau đó, ba người đi đến một chung cư trên đường Hoàng Diệu, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và lấy xe đi tiêu thụ. Sau khi người đàn ông tên Anh H giao hai xe mô tô cho L và S thì cả hai chạy xe về huyện Đức Huệ, tỉnh Long An để tiêu thụ. Khi cả hai đi đến khu phố 4, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và xử lý.

Vật chứng tạm giữ:

+ 01 xe mô tô loại Honda nhãn hiệu Blade, màu đỏ - đen, biển số 66F1-93.013; số máy JA36E0877710, số khung: RLHJA364LY018506.

+ 01 xe mô tô loại Honda nhãn hiệu Airblade, màu đỏ - đen, biển số 60B4-96.739, số máy JF94E0068435; số khung RLHJF6338LZ028382.

Qua điều tra xác định, xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Blade, biển số 66F1-93.013, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Võ Chí N. Ngày 09/3/2022, ông N đi đến và để xe tại một chung cư phường 1, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị mất. Xe mô tô loại Honda nhãn hiệu Airblade, màu đỏ-đen, biển số 60B4-96.739, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn T, để xe trong nhà và bị mất vào ngày 09/3/2022.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 14/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đức Huệ kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô loại Honda, nhãn hiệu Blade biển số 66F1-93.013 là 16.920.000 đồng (xe ông Võ Chí N). Xe mô tô loại Honda, nhãn hiệu Airblade, biển số 60B4-96.739 là 30.400.000 đồng (Xe ông Nguyễn T). Tổng giá trị của hai xe mô tô là 47.320.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp ông Võ Chí N xe mô tô biển số 66F1-93.013, ông Nguyễn T xe mô tô biển số 60B4-96.739 theo quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 29/3/2022.

Cáo trạng số: 34/CT-VKS-ĐH ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố các bị cáo, sau khi phân tích tính chất của hành vi và hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 32, Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Lê Chế L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ: khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 32, Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Chí S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Phần Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không đề cập xem xét.

Đối với người tên Anh H người đưa xe cho L và S mang đi tiêu thụ, do Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch nên không đề cập xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Chí N vắng mặt tại phiên tòa và trong lời khai trình bày: Ông đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp theo.

2. Ông Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa và trong lời khai: Ông đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp theo.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Các bị cáo biết việc làm là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, hứa không tái phạm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của cơ quan cảnh sát điều tra, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên đều thực hiện đúng và hợp pháp. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thu thập là hợp pháp.

[2] Vào ngày 10/3/2022 (khoảng 07 giờ 00 phút), Trần Lê Chế L nhận lời vận chuyển xe gian do người khác phạm tội mà có cho một người tên Anh H (không rõ nhân thân lai lịch) nên rủ thêm Trịnh Chí S cùng thực hiện và S đồng ý. L chạy 01 xe mô tô loại Honda nhãn hiệu Blade, màu đỏ - đen, biển số 66F1-93.013; số máy JA36E0877710, số khung: RLHJA364LY018506 và Trịnh Chí S chạy 01 xe mô tô loại Honda nhãn hiệu Airblade, màu đỏ - đen, biển số 60B4-96.739, số máy JF94E0068435; số khung RLHJF6338LZ028382, từ khu vực chung cư Hoàng Diệu (quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh) về huyện Đức Huệ để tiêu thụ với số tiền công vận chuyển 1.000.000 đồng/xe. Khi L và S vận chuyển đến khu phố 4, thị trấn Đông Thành thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang người và tang vật. Qua định giá tài sản hai xe mô tô nói trên có giá trị là 47.320.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang do công an thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ lập lúc 11 giờ 30 phút, ngày 10/3/2022, kết luận định giá tài sản số 10/KL-TCKH ngày 14/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Huệ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó, đã có đủ bằng chứng để kết luận rằng các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy

định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng số: 34/CT-VKS-ĐH ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S với tội danh và điều luật nêu trên là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự công cộng và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà còn gây trở ngại cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích cho những người khác đi vào con đường phạm tội. Các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi trên của bị cáo phải được xử lý nghiêm. Xét thấy trong vụ án có 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi, trước khi thực hiện chỉ trao đổi với nhau, không có sự phân công tổ chức thực hiện chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn và cả hai phải chịu trách nhiệm theo Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Do có hai bị cáo nên cần phân tích hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức lượng hình cho phù hợp.

[4.1] Đối với bị cáo Trần Lê Chế L là người trực tiếp giao dịch với người tên Anh Hai để thực hiện việc tiêu thụ tài sản, rủ thêm bị cáo Trịnh Chí S cùng thực hiện, trực tiếp nhận tài sản và đem đi tiêu thụ thì bị bắt nên có mức hình phạt cao hơn so với bị cáo S.

[4.2] Đối với bị cáo Trịnh Chí S là đồng phạm với bị cáo L trong việc tiêu thụ tài sản, nhận xe và đem đi tiêu thụ. Bản thân bị cáo S có nhân thân xấu đã một lần bị Tòa án xét xử về tội “Cướp giật tài sản” chấp hành xong hình phạt tù đã đương nhiên xóa án tích và có 02 lần bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh vì nghiện ma túy nên cần có mức hình phạt tương xứng.

Xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[5] Xét thấy, bị cáo bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S trong quá trình xét xử thật thà khai báo, bị cáo L mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân các bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình bị cáo khó khăn, mẹ bị cáo L chết, vợ ly hôn, bị cáo S đang nuôi mẹ già trên 60 tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S là có cơ sở theo quy định pháp luật.

[7] Ông Võ Chí N và Nguyễn T, vắng mặt tại phiên toà và trong lời khai trình bày: Đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu khác nên không đề cập xem xét. Nếu sau này có phát sinh yêu cầu bồi thường sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Phần Cơ quan điều tra đã xử lý xong không có yêu cầu xem xét lại nên đề cập xem xét.

[9] Đối với những người giới thiệu, chủ thuê, người giao nhận xe cho bị cáo, không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ, không làm việc được. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục thẩm tra, xác minh đề xuất xử lý sau, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp. Nhằm không bỏ lọt tội phạm, kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh để xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 32, Điều 38 Bộ luật hình sự; Các Điều 299, 326, 327 và 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Lê Chế L 01 (một) 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/3/2022). Tiếp tục ra quyết định tạm giam bị cáo Trần Lê Chế L 45 ngày để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 32, Điều 38 Bộ luật hình sự; Các Điều 299, 326, 327 và 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Chí S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/3/2022). Tiếp tục ra quyết định tạm giam bị cáo Trịnh Chí S 45 ngày để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Lê Chế L và Trịnh Chí S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Công an huyện Đức Huệ;
- CC.THADS huyện Đức Huệ;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Triển